

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 01-02-2021

V/v: Tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Bình
2. Ông Hồ Văn Sơn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 01 và ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2019/TLST-DS, ngày 04/12/2019 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2020/QĐXXST- DS ngày 09/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2020/QĐST-DS ngày 28/12/2020; Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 07/01/2021; Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 11/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: số 154 đường Lê Lợi, khu phố 8, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1971; nơi cư trú: số 217 đường ĐT 766, tổ 2, thôn 3, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Anh: Ông Nguyễn Sĩ (Sỹ) M, sinh năm 1966; nơi cư trú: số 217 đường ĐT 766, tổ 2, thôn 3, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Sĩ (Sỹ) Minh, sinh năm 1966. nơi cư trú: số 217 đường ĐT 766, tổ 2, thôn 3, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Đỗ Hoàng Chương, sinh năm 1985. Địa chỉ: số 199 đường ĐT 766, thôn 3, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông Hiệp, ông Chương; vắng mặt bà Kim Anh, ông Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2019; các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày: Ngày 16/5/2019, ông H ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Hoàng Chương, là con trai của ông Đỗ H Thành, được gia đình ông Thành ủy quyền thực hiện chuyển nhượng thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, diện tích 550m² đất ở lâu dài tại thôn 3 xã T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 454574 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/6/1995 đứng tên hộ ông Đỗ H Thành. Việc chuyển nhượng đã được cập nhật sang tên chủ quyền cho ông H vào ngày 11/7/2019. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông H đến tiếp quản đất để sang lấp mặt bằng, xây dựng công trình thì bị gia đình bà Huỳnh Thị K cản trở và cho rằng đất ông H nhận chuyển nhượng là của gia đình bà. Sau đó, bà K tự ý làm vòm trên đất, cưa 01 số cây tràm trên đất của ông Hiệp. Sự việc trên đã được UBND xã T hòa giải nhưng không thành. Nay Ông H khởi kiện yêu cầu bà K và ông Nguyễn Sĩ M phải tháo dỡ nhà vòm và trả lại đất cùng cây trồng trên đất cho ông H.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sĩ M trình bày: Nguồn gốc đất mà nguyên đơn khởi kiện tranh chấp là không có trên thực tế, bởi thửa đất này vợ chồng bà K đã, đang sử dụng, sinh sống và đã được địa phương xã T, từ đội sản xuất, HTX nông nghiệp và UBND xã T cấp đất thổ cư cho ông Nguyễn Sĩ M từ năm 1990. Ngoài ra giữa ông M và bà K không giao dịch mua bán đất với ông Hiệp. Do đó, bà K và ông Sĩ M cho rằng việc ông H kiện đòi thửa đất số 112 đối với ông bà là không có căn cứ. Bà K và ông Sĩ M đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Hiệp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2020 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hoàng Chương trình bày: Vào năm 1995, hộ gia đình ông Đỗ H Thành (cha ruột ông Chương) được nhà nước cấp thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, diện tích 550m², loại đất ở lâu dài tại thôn 3 xã T, theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 454574 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/6/1995 đứng tên hộ ông Đỗ H Thành. Thửa đất có tứ cận: hướng đông giáp đất của ông Xá, hướng tây giáp đường ĐT 766, hướng Nam giáp đất ông Đặng Văn M và hướng bắc giáp đất ông Trần M Tạo. Trên thửa đất này, ông Chương đã trồng khoảng 20 cây trà lớn, nhỏ vào ngày 20/10/2013. Theo ông Chương thì vào ngày 25/9/2013, khi cơ quan nhà nước tiến hành cưỡng chế đất đối với ông Nguyễn Sĩ M và bà Huỳnh Thị K để trả lại cho ông Trần M Tạo (do giữa ông Tạo và vợ chồng bà K xảy ra tranh chấp đất) thì Đoàn cưỡng chế đã lấy hàng rào nhà ông Đặng Văn M làm chuẩn, sau đó đo sang hướng bắc theo trục đường ĐT 766 09m là đất của gia đình ông, tức hộ ông Đỗ H Thành; tiếp đến đo thêm 10m nữa là đất của ông Trần M Tạo, tiếp đến mới là đất của vợ chồng bà Kim Anh. Do đó ông Chương cho rằng, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, diện tích 550m² là đất được nhà nước cấp cho gia đình ông và đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn H theo đúng quy định của pháp luật. Từ đó ông Chương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Hiệp, buộc bà K và ông Sĩ M trả đất là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự; Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thửa đất số 112, tờ bản đồ 01, diện tích 550m² là đất được nhà nước cấp cho hộ ông Đỗ H Thành. Việc cấp quyền sử dụng đất được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng. Ngày 11/7/2019, ông Trần Văn H đã nhận chuyển nhượng thửa đất này từ hộ ông Đỗ H Thành và đã được sang tên chủ quyền đúng pháp luật. Do đó vợ chồng bà K và ông Sĩ M cho rằng thửa đất này là của ông bà là không có căn cứ nên hành vi cản trở ông H thực hiện quyền của chủ sử dụng đất là vi phạm pháp luật. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Hiệp, buộc bà K và ông Sĩ M tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại cho ông Trần Văn H thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, diện tích 550m² đất ở lâu dài tại thôn 3 xã T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 454574 là có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, **Ân** kiến của **Kiểm** sát **vin**, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. Tòa án nhân

dân huyện Đ xác định quan hệ “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên do bị đơn Huỳnh Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Sĩ M đã nhiều lần gây khó khăn và có hành vi cản trở. Mặc dù TAND huyện Đ đã phối hợp cùng với lực lượng hỗ trợ tư pháp Công an huyện Đức Linh, Công an xã T để hỗ trợ thực hiện nhưng vẫn không đạt kết quả, cho nên việc thu thập chứng cứ như sơ đồ đo đạc đất tranh chấp, công tác định giá, công tác xem xét, thẩm định tại chỗ không thực hiện được. Do đó, TAND huyện Đ sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được từ nhiều nguồn chứng cứ khác nhau để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

Về xét xử vắng mặt: Xét thấy bị đơn bà Huỳnh Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sĩ M đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật.

[4] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[5] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 06/12/1990, ông Nguyễn Sĩ M (chồng bà Huỳnh Thị Kim Anh) có đơn xin đất thổ cư gửi Đội trưởng Đội 3 HTX 3 xã T, HTX 3 xã T và UBND xã T. Đơn xin đất của ông M không nêu rõ diện tích đất, tứ cận cụ thể. Sau khi đơn được thông qua HTX 3, UBND xã T đã duyệt cấp đất thổ cư cho ông Nguyễn Sĩ Minh, nhưng nội dung duyệt cấp đất thổ cư cũng không ghi rõ diện tích đất cụ thể cũng như vị trí đất và giao cho Ban nông nghiệp xã, Ban quản lý HTX 3 cấp theo luật định. Tuy nhiên, Ban nông nghiệp và Ban quản lý HTX 3 không giao đất ngoài thực địa cho ông Nguyễn Sĩ Minh. Ngoài ra, từ khi được duyệt cấp đất, ông M không đăng ký kê khai để được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về nguồn gốc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, diện tích 550m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 454574, nguyên trước đây là hồ sâu hoang hóa,

không ai sử dụng. Vào năm 1993, ông Đỗ H Thành có đơn xin Ban quản lý HTX 3 xã T đất thổ cư và được Ban quản lý HTX 3 xét duyệt cấp cho hộ ông Đỗ H Thành. Sau đó ông Đỗ H Thành tiến hành đổ đất, san ủi, cải tạo mặt bằng đưa vào sử dụng. Vợ chồng bà Anh, ông M không có ý kiến hay tranh chấp. Ngày 12/4/1994, ông Đỗ H Thành đã kê khai đăng ký và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ kết quả xét duyệt, UBND huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ số M 454574 cho hộ ông Đỗ H Thành theo quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 28/6/1995. Như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ H Thành được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ từ hồ sơ thi hành án đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 75/2011/DSPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ cung cấp thể hiện:

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 75/2011/DSPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Nguyên đơn ông Trần M Tạo; bị đơn ông Nguyễn Sỹ M và bà Huỳnh Thị Kim Anh; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy Thảo và bà Mai Thị Thủy, thì: *Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị Kim Anh, giữ nguyên bản án số 31/2011/DSST ngày 28/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh; Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần M Tạo đối với bị đơn Nguyễn Sỹ M và Huỳnh Thị Kim Anh. Buộc ông M và bà Anh phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên diện tích đất 540m² tại thửa đất số 191, tờ bản đồ 01, Giấy chứng nhận QSDĐ số R 466842 được UBND huyện Đ cấp ngày 29/12/2000 đứng tên hộ ông Nguyễn Duy Thảo, đã được đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên Trần M Tạo ngày 08/02/2007 (theo giấy chứng nhận là 640m²). Thửa đất của ông Trần M Tạo được định vị qua 04 điểm CDEF theo sơ đồ đất tranh chấp số 1 và biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 27/5/2008, thửa đất tọa lạc tại thôn 3, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.* Căn cứ Sơ đồ đất tranh chấp số 1 thể hiện: Theo trục đường ĐT 766 thì đất ông Đặng Văn M có chiều ngang theo trục đường ĐT766 là 10,3m; tiếp đến là đất ông Đỗ H Thành 09m; tiếp đến là đất ông Trần M Tạo 10m, sau đó mới đến đất của ông Nguyễn Sĩ M và bà Huỳnh Thị Kim Anh. Bản án phúc thẩm nêu trên đã được Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tổ chức, phối hợp cưỡng chế thi hành án xong trong năm 2013 theo yêu cầu của ông Trần M Tạo.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Huỳnh Thị K đã gửi đơn khiếu nại đến Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận và ông Nguyễn Sỹ M khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao.

Theo chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận tiến hành giám sát việc khiếu nại của bà Huỳnh Thị K đối với Bản án phúc thẩm số 75/2011/DSPT ngày 27/9/2011. Ngày 01/4/2014, Ban pháp chế Hội

đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận đã có báo cáo số 17/BC-HĐND, theo đó đã nhận định: *Bản án sơ thẩm của TAND huyện Đ và Bản án phúc thẩm số 75/2011/DSPT ngày 27/9/2011 của TAND tỉnh Bình Thuận đối với tranh chấp đất giữa ông Trần M Tạo với vợ chồng bà Huỳnh Thị K là đúng quy định pháp luật. Vì vậy không có cơ sở để xem xét, kiến nghị TANDTC xem xét lại bản án của TAND tỉnh theo thủ tục giám đốc thẩm.*

Tại Thông báo số 1615/TB ngày 10/11/2014 của TANDTC về việc thông báo giải quyết đơn đề nghị của ông Nguyễn Sĩ M đã kết luận: *Có căn cứ xác định ông Thành, ông Thảo sử dụng đất hợp pháp liên tục và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thành, ông Thảo là phù hợp với quy định của Luật đất đai nên không có căn cứ xác định ông Thành lấn chiếm đất của ông Tạo (trước đây là của ông Thảo). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm buộc vợ chồng ông di dời các tài sản trên đất để trả lại đất ông Tạo là có căn cứ pháp luật. do đó, không có căn cứ kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 75/2011/DS-PT ngày 27/9/2011.*

Xét thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/5/2019 giữa ông Trần Văn H với ông Đỗ Hoàng Chương (người đại diện theo ủy quyền của hộ ông Đỗ H Thành) đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, diện tích 550m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 454574 được thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai và đã được đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên Trần Văn H ngày 11/7/2019. Do đó, theo quy định của pháp luật, ông H có quyền sử dụng đối với thửa đất này và được Nhà nước bảo hộ. Việc bà K và ông Sĩ M cho rằng thửa đất này là Nhà nước cấp cho ông Nguyễn Sĩ M vào năm 1990 là không có căn cứ và ông bà có hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với ông H là hành vi trái pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Đ đã tổ chức đo đạc và tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp nhưng gia đình bà K nhiều lần có hành vi cản trở, gây khó khăn nên không thể đo đạc, xác định tứ cận, vị trí thửa đất. Tuy nhiên, qua xác M thì ranh giới đất giữa hộ ông Đặng Văn M và hộ ông Đỗ H Thành, nay là ông Trần Văn H đã sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến khi thi hành xong Bản án dân sự phúc thẩm số 75/2011/DS-PT ngày 27/9/2011 và đến nay vẫn không thay đổi. Do đó để đảm bảo thi hành án, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 75/2011/DSPT ngày 27/9/2011, kết quả thi hành án của Bản án này và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/9/2020 để làm căn cứ xác định ranh giới, tứ cận của thửa đất tranh chấp giữa ông H với bà Anh, ông M để giải quyết.

Từ những chứng cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Huỳnh Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Sĩ M phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên diện tích đất 486 m² tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 454574 được UBND huyện Đ cấp ngày 28/6/1995 đứng tên hộ ông Đỗ

H Thành, đã được đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên Trần Văn H ngày 11/7/2019 (giấy chứng nhận là 550m²). Thửa đất của ông Trần Văn H được định vị qua 04 điểm BCFG theo sơ đồ đất tranh chấp số 1, được kèm theo biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 27/5/2008 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/9/2020.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà K và ông Sĩ M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định. Buộc bà K và ông Sĩ M phải nộp số tiền 2.650.000 đồng để hoàn trả cho ông H là người đã chi tạm ứng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà K và ông Sĩ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông H là đúng quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 26; khoản 5, 7 Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn H đối với bị đơn Huỳnh Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Sĩ Minh.

Buộc bà Huỳnh Thị K và ông Nguyễn Sĩ M phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên diện tích đất 486m² tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 454574 được UBND huyện Đ cấp ngày 28/6/1995 đứng tên hộ ông Đỗ H Thành, đã được đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên Trần Văn H ngày 11/7/2019 (giấy chứng nhận là 550m²) gồm có: 01 nhà vòm diện tích 52,2m², có kết cấu cột, khung bằng thép, mái lợp tôn; 01 hồ rác xây gạch có kích thước chiều dài 03m, chiều rộng 02m và chiều cao 01m; 01 hàng rào dài 09m được rào bằng lưới B40 và tôn cũ theo mặt đường ĐT 766 của thửa đất để trả lại cho ông Trần Văn H diện tích đất 486m² nêu trên (đã trừ diện tích hành lang đường ĐT 766 từ tim đường vào 21m). Thửa đất của ông Trần Văn H được xác định qua 04 điểm BCFG theo sơ đồ

đất tranh chấp số 01 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/9/2020 kèm theo. Thửa đất tọa lạc tại thôn 3, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Huỳnh Thị K và ông Nguyễn Sĩ M phải nộp 2.650.000 đồng để hoàn trả cho ông Trần Văn H là người đã chi tạm ứng kho tiền hành xem xét, thẩm định tại chỗ.

3/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị K và ông Nguyễn Sĩ M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Văn H 2.500.000 đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003209 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Hiệp, ông Chương có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án là ngày 01/02/2021; bà Kim Anh, ông Sĩ M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết Bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

